

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/DS-ST

Ngày: 04/9/2020.

V/v: “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng
vay tiền có thể chấp vô hiệu”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Được.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Diễn;
2. Ông Huỳnh Thế Cần.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 413/2020/TLST-DS ngày 06/5/2020 về việc “Tranh chấp L quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐXXST-DS ngày 05/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn B, ấp C, xã M, huyện TB, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

Bị đơn:

1. Bà Trương Thị Ngọc L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: khu phố B, phường TH, thành phố H, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tiến M, sinh năm 1976. Địa chỉ: 5 khu phố B, phường TH, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Theo Giấy ủy quyền ngày 18/6/2020, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn B, ấp C, xã M, huyện TB, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

3. Văn phòng Công chứng Phạm MT.

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, ấp B, xã H, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh T, sinh năm 1973. Địa chỉ: khu phố B, phường TH, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Chức vụ: Trưởng Văn phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Bá C, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp C, thị trấn G, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Theo Giấy ủy quyền ngày 29/6/2020, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện TB, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

Ông ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc Q. Theo Giấy ủy quyền ngày 23/3/2019.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện TB, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

3. Ông Huỳnh TC-Công chứng viên.

Địa chỉ: Văn phòng công chứng Phạm MT. Quốc lộ 1A, ấp B, xã H, huyện TB, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc C là vợ chồng (Giấy chứng nhận kết hôn số 124/2012, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện TB, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24/10/2012).

Ngày 04/02/2016, vợ chồng bà mua xe ô tô nhãn hiệu Audi Q7, biển số 60A-267.32 do ông Nguyễn Ngọc C đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 059626, được Phòng Cảnh sát giao thông-Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/02/2016. Đây là tài sản chung của vợ chồng bà.

Ngày 05/02/2016, vợ chồng bà đã thế chấp chiếc xe ô tô trên để vay số tiền 2.600.000.000đ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đồng Nai-Phòng giao dịch Hồ Nai (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), theo Hợp đồng tín dụng số 160018TDHCNHNAI1VH5, ngày 05/02/2016 ký kết giữa các bên và Hợp đồng thế chấp tài sản số 160018TDHCNHNAI1VH5, ngày 05/02/2016 lập tại Văn phòng công chứng Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai, số công chứng 1421, quyền 07-TVP/CC-SCC/HĐGD.

Ngày 25/6/2018, vợ chồng bà thỏa thuận bán lại chiếc xe Audi nêu trên cho vợ chồng ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Q. Ngày 26/8/2018, vợ chồng ông N, bà Q đưa tiền cho ông C để trả nợ xong cho Ngân hàng và được Ngân hàng ra Thông báo về việc giải chấp đối với chiếc xe trên.

Ngày 26/6/2018, vợ chồng bà đã bán chiếc xe Audi nêu trên cho vợ chồng ông N, bà Q, hai bên ký kết Hợp đồng mua bán xe được lập tại Văn phòng Công chứng Hồ Nai-tỉnh Đồng Nai, số công chứng 12882, quyền 01TP/CC-SCC/HĐGD. Sau đó vợ chồng ông N, bà Q đi đăng ký sang tên nhưng không thực hiện được do bà Trương Thị Ngọc L có đơn tố cáo ông C tại Công an huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai vì cho rằng ông C đem chiếc xe Audi nêu trên đi bán trong khi xe đang được thế chấp cho bà L. Quá trình giải quyết vụ việc thì Công an huyện Trảng Bom thông báo cho vợ chồng bà và vợ chồng ông N, bà Q biết chiếc xe Audi đã thế chấp cho bà L thì không được phép giao dịch mua bán. Do không hiểu pháp luật, sợ việc làm của ông C là vi phạm pháp luật nên ngày 16/7/2018, vợ chồng bà và vợ chồng ông N, bà Q đã lập văn bản hủy hợp đồng mua bán xe tại Văn phòng Công chứng Hồ Nai-tỉnh Đồng Nai, số công chứng 14131, quyền 01TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngày 20/7/2018, ông C và bà L cùng ký Biên bản bàn giao giấy tờ xe, theo đó ông C đã giao cho bà L các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe 059626 cấp ngày 04/02/2016; Giấy chứng nhận kiểm định số 0411689 do Trung tâm Đăng kiểm cơ giới Đồng Nai cấp ngày 05/02/2016; Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số S-YAB-00118569-00-18-1.

Ngày 17/8/2018, Công an huyện Trảng Bom có thông báo số 346/TB-CSĐT có nội dung thông báo và hướng dẫn bà L khởi kiện tại Tòa án nhân dân để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình Công an huyện Trảng Bom mời làm việc thì bà mới biết ngày 10/10/2016, ông C và bà L ký kết Hợp đồng vay tiền có thể chấp tại Văn phòng Công chứng Phạm MT-tỉnh Đồng Nai, số công chứng 1093, quyền 02/2016/TP/CC-SCC/HĐGD do Công chứng viên Huỳnh TC chứng nhận. Theo đó bà L đồng ý cho ông C vay số tiền 2.200.000.000đ, ông C thế chấp chiếc xe Audi Q7, biển số 60A-267.32 cho bà L.

Bà cho rằng việc ký kết hợp đồng giữa ông C và bà L là không đúng luật, bởi lẽ: Thứ nhất: chiếc xe Audi Q7, biển số 60A-267.32 là tài sản chung của vợ chồng bà, ông C tự ý đem thế chấp cho bà L không được sự đồng ý của bà là không đúng luật. Thứ hai: khi ông C thế chấp chiếc xe trên cho bà L thì xe ô tô này đang được thế chấp tại Ngân hàng. Thứ ba: bà L đã thế chấp giấy tờ nhà của bà L để vay Ngân hàng số tiền 2.200.000.000đ cho Công ty do ông C là đại diện theo pháp luật, trong đó bà L có cổ phần góp vốn, bà L muốn bảo đảm cổ phần của mình không bị thất thoát nên đã yêu cầu ông C thế chấp chiếc xe này cho bà L theo hợp đồng vay tiền.

Do đó, tại đơn khởi kiện, bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vay tiền có thể chấp ngày 10/10/2016 giữa bà Trương Thị Ngọc L và ông Nguyễn Ngọc C lập tại Văn phòng Công chứng Phạm MT vô hiệu; yêu cầu bà Trương Thị Ngọc L trả bản chính các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe 059626 cấp ngày 04/02/2016; Biển kiểm soát số 60A-267.32; Giấy chứng nhận kiểm định số 0411689 do Trung tâm Đăng kiểm cơ giới Đồng Nai cấp ngày 05/02/2016; Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số FS-7AB-00118569-00-18-1.

Ngày 24/6/2020, bà Trần Thị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Rút yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng vay tiền có thể chấp ngày 10/10/2016 giữa bà Trương Thị Ngọc L và ông Nguyễn Ngọc C lập tại Văn phòng Công chứng Phạm MT về phần vay số tiền 2.200.000.000đ (hai tỷ hai trăm triệu đồng); rút yêu cầu bà Trương Thị Ngọc L trả bản chính Biển kiểm soát số 60A-267.32.

Tại buổi làm việc ngày 24/6/2020, bà Trần Thị H xác định không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay tiền có thể chấp vô hiệu.

Tại bản tự khai ngày 28/7/2020, bà Trần Thị H trình bày do nhầm lẫn nên trước đây bà yêu cầu bà L trả lại Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số FS.7AB-00118569-00-18-1, nay bà xác định lại là yêu cầu bà L trả lại Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số S-YAB-00118569-00-18-1.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trương Thị Ngọc L do ông Phạm Tiến M đại diện trình bày:

Ngày 10/10/2016, bà L và ông C có ký Hợp đồng vay tiền có thể chấp tại Văn phòng Công chứng Phạm MT-tỉnh Đồng Nai. Theo đó ông C vay của bà L số tiền 2.200.000.000đ và ông C thế chấp cho bà L xe ô tô biển số 60A-267.32. Khi ký hợp đồng này thì bà L không biết xe ô tô trên đã được thế chấp tại Ngân hàng.

Quá trình hòa giải tại Công an huyện Trảng Bom thì bà L có giữ các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe số 059626 cấp ngày 04/02/2016; Biên kiểm soát số 60A-267.32; Giấy chứng nhận kiểm định số 0411689 do Trung tâm Đăng kiểm cơ giới Đồng Nai cấp ngày 05/02/2016; Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số FS-7AB-00118569-00-18-1.

Bà L đồng ý yêu cầu khởi kiện tuyên bố Hợp đồng vay tiền có thể chấp đã ký kết giữa ông C và bà L vô hiệu về phần tài sản thế chấp, không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay tiền có thể chấp vô hiệu đối với phần tài sản thế chấp. Riêng đối với số tiền vay 2.200.000.000đ là lãi suất thì bà L sẽ khởi kiện ông C, bà H bằng vụ án khác.

Đối với việc bà Trần Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện thì bà L đồng ý, không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Ngọc C trình bày:

Đầu năm 2016, ông có mua chiếc xe ô tô hiệu Audi Q7, biển số 60A-267.32, do số tiền quá lớn nên vợ chồng ông phải vay tiền của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt N-Chi nhánh Đồng Nai-Phòng giao dịch Hồ Nai, đồng thời thế chấp chiếc xe ô tô trên cho Ngân hàng.

Đầu tháng 10/2016, Công ty TNHH MTV Nhật Lên do ông làm chủ mở rộng kinh doanh, thay đổi giấy phép thành Công ty TNHH Nhật Lên gồm 3 thành viên bao gồm ông, bà Trương Thị Ngọc L và anh Phạm Tiến Minh (con bà L). Do bà L và anh Minh không có tiền góp vốn vào Công ty nên đã thế chấp giấy tờ đất để vay tiền ngân hàng lấy tiền góp vốn vào công ty. Bà L và anh Minh nhờ ông làm giấy mượn sổ đỏ và mượn số tiền 2.200.000.000đ, ghi thế chấp chiếc xe Audi Q7 nêu trên để những người con gái của bà L yên tâm trong việc góp vốn làm ăn chung.

Ngày 10/10/2016, ông và bà L ký Hợp đồng vay tiền có thể chấp tại Văn phòng Công chứng Phạm MT-tỉnh Đồng Nai.

Tháng 10/2017, Công ty TNHH Nhật Lên đã đáo hạn ngân hàng trả sổ đỏ cho bà L, anh Minh, nhưng gia đình bà L lại đem sổ đỏ đi thế chấp tại ngân hàng Á Châu.

Đến tháng 5, tháng 6/2018, do gặp khó khăn nên vợ chồng ông không trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng, Ngân hàng đã ra thông báo về chuyển nợ quá hạn và áp dụng biện pháp xử lý tài sản thu hồi nợ. Do khó khăn nên ngày 26/7/2018, vợ chồng ông đã bán chiếc xe Audi nêu trên cho vợ chồng ông N, bà Q; vợ chồng ông đã lấy số tiền 1.500.000.000đ của vợ chồng ông N, bà Q để trả cho Ngân hàng và giải chấp chiếc xe Audi. Lúc này gia đình bà L đã tố cáo ông chiếm đoạt tài sản tại Công an huyện Trảng Bom. Ngày 17/7/2018 thì Công an huyện Trảng Bom ra thông báo việc giữa ông và bà L là tranh chấp dân sự.

Ngày 20/7/2018, ông và bà L có ký Biên bản bàn giao giấy tờ xe, theo đó ông đã giao cho bà L các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe 059626 cấp ngày 04/02/2016; Giấy chứng nhận kiểm định số 0411689 do Trung tâm Đăng kiểm cơ giới Đồng Nai cấp ngày 05/02/2016; Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số S-YAB-00118569-00-18-1.

Khi ông và bà L ký Hợp đồng vay tiền có thể chấp tại Văn phòng Công chứng Phạm MT-tỉnh Đồng Nai thì chiếc xe ô tô biển số 60A-267.32 đang thế chấp cho Ngân hàng. Mặt khác xe ô tô trên là tài sản chung của vợ chồng giữa ông và bà Trần Thị H, ông đã tự ý thế chấp cho bà L là sai pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông đồng ý, ông không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay tiền có thể chấp vô hiệu đối với phần tài sản thế chấp. Đối với khoản tiền vay 2.200.000.000đ trong Hợp đồng vay tiền có thể chấp với bà L, trường hợp bà L khởi kiện thì ông sẽ có mặt trong vụ án khác.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Văn phòng Công chứng Phạm MT do ông Đặng Bá C đại diện trình bày:

Ngày 10/10/2016, tại Văn phòng Công chứng Phạm MT, Công chứng viên Huỳnh TCKý lời chứng Hợp đồng vay tiền có thể chấp giữa bà L và ông C. Nội dung công chứng là bà L cho ông C vay số tiền 2.200.000.000đ, tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Audi Q7, biển số 60A-267.32.

Khi ký lời chứng thì Công chứng viên không biết việc xe ô tô trên đang được thế chấp tại Ngân hàng, và giấy tờ đăng ký xe chỉ đứng tên mình ông C nên không biết đây là tài sản chung của ông C và bà H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì Văn phòng Công chứng Phạm MT đồng ý, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án, không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay tiền có thể chấp vô hiệu đối với phần tài sản thế chấp.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc Q (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn N) trình bày:

Ngày 26/6/2018, vợ chồng bà và vợ chồng ông C, bà H đã ký Hợp đồng mua bán xe ô tô biển số 60A-267.32 tại Văn phòng Công chứng Hồ Nai-tỉnh Đồng Nai với giá là 2.200.000.000đ, thực chất thì vợ chồng bà mới đưa cho vợ chồng ông C, bà H số tiền 1.500.000.000đ để đóng cho Ngân hàng giải chấp xe, số tiền còn lại chưa trả hết vì hợp đồng không thực hiện được.

Ngày 16/7/2018, vợ chồng bà và vợ chồng ông C, bà H đã ký văn bản hủy hợp đồng mua bán xe trên, lý do ký văn bản hủy này là do bà L tố cáo ông C tại Công an huyện Trảng Bom vì cho rằng ông C nợ tiền bà L lại đi bán xe là tẩu tán tài sản.

Ngày 26/3/2019, tại bản tự khai bà Q đề nghị Tòa án buộc ông C và bà H trả lại số tiền 1.500.000.000đ và tiền lãi suất tạm tính từ ngày 26/6/2018 đến ngày 26/3/2019, tổng cộng tạm tính là 1.650.000.000đ mà ông bà đã đưa cho ông C, bà H để giải chấp chiếc xe ô tô biển số 60A-267.32.

Ngày 29/5/2019 ông N, bà Q có Đơn đề nghị yêu cầu ông C, bà H tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe.

Tại bản tự khai ngày 25/6/2020, bà Q trình bày đối với việc mua bán xe giữa vợ chồng bà và ông C, bà H thì bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà đồng ý, không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay tiền có thể chấp vô hiệu đối với phần tài sản thế chấp.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Huỳnh TC-Công chứng viên -Văn phòng công chứng Phạm MT trình bày:

Ông là Công chứng Văn phòng Công chứng Phạm MT-tỉnh Đồng Nai. Ngày 10/10/2016, ông ký lời chứng trong Hợp đồng vay tiền có thể chấp giữa ông C và bà L, số công chứng 1093, quyền 02/2016. Việc không đưa bà H vào hợp đồng do ông C xác định là người đứng tên trong giấy đăng ký xe và trực tiếp sử dụng, cam kết không có ai tranh chấp về quyền sử dụng chiếc xe này và bà L mặc nhiên thừa nhận trong cam kết của bên A tại Điều 7 của Hợp đồng. Khi tiến hành công chứng Hợp đồng ông C không thông báo cho Công chứng viên biết tài sản này đang thế chấp ngân hàng. Bà L là người cho vay tiền cũng xác định đã hiểu rõ tình trạng pháp lý cũng như thực trạng tài sản mà mình nhận thế chấp, không yêu cầu thẩm tra tình trạng pháp lý của chiếc xe nói trên và cam kết chịu mọi trách nhiệm khi có tranh chấp xảy ra nên Công chứng viên không thể phát hiện có việc thế chấp xe ở ngân hàng.

Như vậy, khi công chứng hợp đồng này, Công chứng viên đã thực hiện đúng theo quy định, đã giải thích hậu quả việc không yêu cầu công chứng viên xác minh tình trạng pháp lý và thực trạng tài sản thế chấp nhưng các bên vẫn giữ nguyên cam kết trong dự thảo hợp đồng. Căn cứ vào sự tự nguyện của các bên khi ký hợp đồng nên ông đã thực hiện việc chứng nhận hợp đồng giữa bà L và ông C.

Qua đơn khởi kiện của bà H, nếu có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ khi ông C, bà H thế chấp chiếc xe nói trên vào tháng 02/2016 cho đến khi ông N và bà Q bỏ tiền ra để giải chấp chiếc xe này vào tháng 8/2018 chiếc xe nói trên vẫn được thế chấp tại Ngân hàng thì ông C, bà L đã cố tình cung cấp thông tin sai sự thật. Ngoài ra, sau khi ý hợp đồng vào ngày 10/10/2016 cho đến khi xảy ra tranh chấp nêu giấy tờ xe bản chính đang được Ngân hàng quản lý thì chứng tỏ ông C và bà L không thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết được ghi trong hợp đồng mà cụ thể là việc thực hiện nghĩa vụ giao tiền, giao xe và giấy tờ bản chính giữa 2 bên nhưng không bên nào khiếu nại đã thể hiện bất thường trong việc ký hợp đồng thế chấp nói trên.

Như vậy, ông C, bà L đã có dấu hiệu ký hợp đồng giả tạo, vi phạm một trong các điều cấm được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Luật Công chứng 2014 và Điều 123, 124 Bộ luật Dân sự 2015. Nếu có căn cứ xác định các bên ký hợp đồng giả tạo thì đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng vay tiền có thể chấp ký giữa ông C và bà L là vô hiệu, việc dẫn đến hợp đồng vô hiệu không có lỗi của công chứng viên chứng nhận hợp đồng.

Đối với việc bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện thì ông đồng ý, không có ý kiến, yêu cầu độc lập gì. Đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

-Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+Tuyên bố Hợp đồng vay tiền có thể chấp ký ngày 10/10/2016 giữa ông Nguyễn Ngọc C và bà Trương Thị Ngọc L tại Văn phòng Công chứng Phạm MT-tỉnh Đồng Nai, số công chứng 1093, quyền 02/2016/TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu về phần tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Audi Q7, biển kiểm soát 60A-267.32.

+Buộc bà Trương Thị Ngọc L trả lại cho bà Trần Thị H và ông Nguyễn Ngọc C bản chính các giấy tờ bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 059626, do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/02/2016 đứng tên ông Nguyễn Ngọc C; Giấy chứng nhận kiểm định số 0411689 do Trung tâm Đăng kiểm cơ giới Đồng Nai cấp ngày 05/02/2016; Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số S-YAB-00118569-00-18-1.

+Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng vay tiền có thể chấp ký ngày 10/10/2016 giữa ông Nguyễn Ngọc C và bà Trương Thị Ngọc L tại Văn phòng Công chứng Phạm MT - tỉnh Đồng Nai, số công chứng 1093, quyền 02/2016/TP/CC-SCC/HĐGD về phần số tiền vay 2,2 tỷ đồng và yêu cầu bà Trương Thị Ngọc L trả lại Biển kiểm soát số 60A-267.32 do bà H rút đơn yêu cầu.

-Về án phí: Ông C, Văn phòng công chứng Phạm MT phải chịu án phí; bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp.

Ban đầu, Tòa án xác định đây là vụ án về “Tranh chấp L quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng vay tiền có thể chấp ký kết giữa ông Nguyễn Ngọc C và bà Trương Thị Ngọc L lập tại Văn phòng Công chứng Phạm MT vô hiệu và yêu cầu bà Trương Thị Ngọc L trả bản chính các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe 059626 cấp ngày 04/02/2016; Biển kiểm soát số 60A-267.32; Giấy chứng nhận kiểm định số 0411689 do Trung tâm Đăng kiểm cơ giới Đồng Nai cấp ngày 05/02/2016; Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số FS-7AB-00118569-00-18-1. Như vậy, Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vay tiền có thể chấp vô hiệu” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án này, bà H khởi kiện đối với bà Trương Thị Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc C và Văn phòng Công chứng Phạm MT. Các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở ở nhiều nơi khác nhau là thành phố Biên Hòa và huyện Trảng Bom. Bà H lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai là nơi một trong các bị đơn cư trú giải quyết, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách đương sự: Trong vụ án này, bà Trần Thị H là nguyên đơn; các bị đơn là bà Trương Thị Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc C và Văn phòng Công chứng Phạm MT; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Huỳnh TC- Công chứng viên. Việc xác định tư cách đương sự theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1] Về quyền khởi kiện: Xe ô tô Audi Q7, biển số 60A-267.32 là tài sản chung hợp nhất của bà Trần Thị H và ông Nguyễn Ngọc C, được hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Mặt khác, chiếc xe này là tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của bà H và ông C tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Đồng Nai-Phòng giao dịch Sông Mỹ. Chưa có ý kiến đồng ý của bà H, ngày 10/10/2016, ông C đã tự ý thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Audi nêu trên cho bà L theo Hợp đồng vay tiền có thể chấp tại Văn phòng Công chứng Phạm MT-tỉnh Đồng Nai, số công chứng 1093, quyền 02/2016/TP/CC-SCC/HĐGD. Bà H cho rằng việc ông C thế chấp chiếc xe này cho bà L là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bà H có quyền yêu cầu khởi kiện.

[5.2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Ngọc C và bà Trần Thị H là vợ chồng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 124/2012, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24/10/2012.

Xe ô tô biển kiểm soát số 60A-267.32, nhãn hiệu Audi Q7, đứng tên ông Nguyễn Ngọc C trên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 059626, được Phòng Cảnh sát giao thông-Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/02/2016 là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc C và bà Trần Thị H.

Ngày 05/02/2016, chiếc xe nêu trên đã được vợ chồng ông C, bà H thế chấp để vay tiền của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đồng Nai-Phòng giao dịch Hồ Nai, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 160018TDHCNHNAI1VH5 lập tại Văn phòng công chứng Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai, số công chứng 1421, quyền 07-TVP/CC-SCC/HĐGD. Đến ngày 26/8/2018 thì ông C, bà H mới trả xong tiền nợ cho Ngân hàng và mới được Ngân hàng ra Thông báo về việc giải chấp tài sản.

Việc ngày 10/10/2016, khi không được sự đồng ý của bà Trần Thị H và Ngân hàng đang nhận thế chấp xe, ông C đã tự ý thế chấp xe ô tô biển kiểm soát số 60A-267.32, nhãn hiệu Audi Q7 cho bà L theo Hợp đồng vay tiền có thể chấp với bà L tại

Văn phòng Công chứng Phạm MT-tỉnh Đồng Nai, số công chứng 1093, quyền 02/2016/TP/CC-SCC/HĐGD là đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng và của bà H là người đồng sở hữu chung hợp nhất. Do đó, giao dịch L quan đến việc thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Audi Q7, biển kiểm soát số 60A-267.32 giữa ông C và bà L là vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật, không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập theo quy định tại Điều 122, Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo quy định của pháp luật thì khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả. Bên ngay tình trong việc thu hoa lợi, lợi tức không phải hoàn trả lại hoa lợi, lợi tức đó. Bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường. Tuy nhiên, trong vụ án này, các đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng dân sự vô hiệu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án thì người đại diện theo ủy quyền của bị đơn-bà Trương Thị Ngọc L cũng thừa nhận bà L là người đang giữ bản chính các giấy tờ bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 059626, do Phòng Cảnh sát giao thông-Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/02/2016 đứng tên ông Nguyễn Ngọc C; Giấy chứng nhận kiểm định số 0411689 do Trung tâm Đăng kiểm cơ giới Đồng Nai cấp ngày 05/02/2016; Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số S-YAB-00118569-00-18-1.

Đối với số tiền vay 2.200.000.000đ ghi trong Hợp đồng vay tiền có thể chấp đã được công chứng, do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Việc vợ chồng ông N, bà H đưa số tiền 1.500.000.000đ cho ông C thanh toán cho Ngân hàng để giải chấp xe Audi nêu trên. Ngày 26/6/2018, vợ chồng ông C, bà H ký Hợp đồng mua bán xe cho vợ chồng ông N, bà Q tại Văn phòng Công chứng Hồ Nai-tỉnh Đồng Nai, số công chứng 12882, quyền 01TP/CC-SCC/HĐGD nhưng không thực hiện đăng ký sang tên được do bà L có đơn tố cáo ông C tại Công an huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Do có mối quan hệ gia đình, sợ ảnh hưởng đến ông C, nên ngày ngày 16/7/2018 vợ chồng ông C, bà H và vợ chồng ông N, bà Q đã lập văn bản hủy hợp đồng mua bán xe trên tại Văn phòng Công chứng Hồ Nai-tỉnh Đồng Nai, số công chứng 14131, quyền 01TP/CC-SCC/HĐGD. Đối với số tiền mà vợ chồng ông N, bà Q đã trả cho ông C, bà H để mua xe và các giao dịch L quan đến việc mua bán xe giữa các bên do không yêu cầu trong vụ án này nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng vay tiền có thể chấp ngày 10/10/2016 giữa bà Trương Thị ngọc L và ông Nguyễn Ngọc C lập tại Văn phòng Công chứng Phạm MT vô hiệu về phần tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Audi, biển kiểm soát số 60A-267.32. Buộc bà L phải trả lại cho bà H và ông C bản chính các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 059626, do Phòng Cảnh sát giao thông-Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/02/2016 đứng tên ông Nguyễn Ngọc C; Giấy chứng nhận kiểm định số 0411689 do Trung tâm Đăng kiểm

cơ giới Đồng Nai cấp ngày 05/02/2016; Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số S-YAB-00118569-00-18-1.

Việc bà Trần Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng vay tiền có thể chấp ký ngày 10/10/2016 giữa ông Nguyễn Ngọc C và bà Trương Thị Ngọc L tại Văn phòng Công chứng Phạm MT-tỉnh Đồng Nai, số công chứng 1093, quyển 02/2016/TP/CC-SCC/HĐGD về phần số tiền vay 2.200.000.000đ và rút yêu cầu khởi kiện buộc bà Trương Thị Ngọc L trả bản chính Biên kiểm soát số 60A-267.32 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử đình chỉ, không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Đối với việc rút các yêu cầu khởi kiện này, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn là ông Nguyễn Ngọc C, Văn phòng Công chứng MT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Đối với bị đơn là bà Trương Thị Ngọc L là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn án phí Tòa án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 40; khoản khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ các Điều 122, 128 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015;

-Căn cứ khoản 5 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

Tuyên bố Hợp đồng vay tiền có thể chấp ký ngày 10/10/2016 giữa ông Nguyễn Ngọc C và bà Trương Thị Ngọc L tại Văn phòng Công chứng Phạm MT-tỉnh Đồng Nai, số công chứng 1093, quyển 02/2016/TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu về phần tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Audi, biên kiểm soát số 60A-267.32.

Buộc bà Trương Thị Ngọc L trả lại cho bà Trần Thị H và ông Nguyễn Ngọc C bản chính các giấy tờ bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 059626, do Phòng Cảnh sát giao thông-Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/02/2016 đứng tên ông Nguyễn Ngọc C; Giấy chứng nhận kiểm định số 0411689 do Trung tâm Đăng kiểm cơ giới Đồng Nai cấp ngày 05/02/2016; Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số S-YAB-00118569-00-18-1.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng vay tiền có thể chấp ký ngày 10/10/2016 giữa ông Nguyễn Ngọc C và bà Trương Thị Ngọc L tại Văn phòng Công chứng Phạm MT-tỉnh Đồng Nai, số công chứng 1093, quyền 02/2016/TP/CC-SCC/HĐGD về phần số tiền vay 2.200.000.000đ và yêu cầu bà Trương Thị Ngọc L trả lại Biên kiểm soát số 60A-267.32.

Đối với việc rút các yêu cầu khởi kiện này, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Miễn tiền án phí cho bà Trương Thị Ngọc L vì là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Văn phòng Công chứng MT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003928 ngày 24/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- THADS TP Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Viết Được

